

Số: 42 /2026/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 19 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định các trường hợp không có tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất đối với hành vi hủy hoại đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 67/2020/QH14, Luật số 88/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 58/2024/QH15, Luật số 71/2025/QH15, Luật số 84/2025/QH15, Luật số 93/2025/QH15, Luật số 95/2025/QH15; Luật số 116/2025/QH15, Luật số 130/2025/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 123/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường; kết quả thẩm định của Sở Tư pháp và ý kiến thống nhất của Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh tại Thông báo số 380/TB-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định các trường hợp không có tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất đối với hành vi hủy hoại đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định các trường hợp không có tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất đối với hành vi hủy hoại đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định số 123/2024/NĐ-CP (trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác), gồm:

a) Cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài là công dân Việt Nam, cá nhân nước ngoài, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài (sau đây gọi là cá nhân);

b) Hộ gia đình, cộng đồng dân cư (bị xử phạt như đối với cá nhân vi phạm);

c) Tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc.

2. Cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt và tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định số 123/2024/NĐ-CP.

Điều 3. Tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm, người có trách nhiệm xác minh tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm

Việc xác định tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và người có trách nhiệm xác minh tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Các trường hợp không có tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm

1. Đối với hành vi làm suy giảm chất lượng đất, các trường hợp không có tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm bao gồm:

a) Làm mất độ dày tầng đất đang canh tác mà dẫn đến làm mất khả năng sử dụng đất đã được xác định.

b) Làm thay đổi lớp mặt của đất sản xuất nông nghiệp bằng các loại vật liệu, chất thải mà xác định loại vật liệu, chất thải này đã hòa lẫn với lớp mặt của đất sản xuất nông nghiệp đến mức không thể bóc tách riêng biệt, dẫn đến làm mất khả năng sử dụng đất đã được xác định.

c) Gây bạc màu, gây xói mòn, rửa trôi đất nông nghiệp mà dẫn đến làm mất khả năng sử dụng đất đã được xác định.

2. Đối với hành vi làm biến dạng địa hình (trừ trường hợp chuyên đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản, xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa, cải tạo đất nông nghiệp thành ruộng bậc thang và hình thức cải tạo đất khác phù hợp với mục đích sử dụng đất được giao, được thuê, được công nhận quyền sử dụng đất hoặc phù hợp với dự án đầu tư đã được Ủy ban nhân dân cấp có

thẩm quyền giao đất, cho thuê đất phê duyệt hoặc chấp thuận), các trường hợp không có tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm bao gồm:

a) Làm thay đổi độ dốc bề mặt đất mà làm mất khả năng sử dụng đất theo mục đích đã được xác định.

b) San lấp đất có mặt nước chuyên dùng (trừ hồ thủy lợi) mà làm mất khả năng sử dụng đất theo mục đích đã được xác định.

c) San lấp nâng cao, hạ thấp bề mặt của đất sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản mà làm mất khả năng sử dụng đất theo mục đích đã được xác định.

Điều 5. Mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất

Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm sau đây phải thực hiện các biện pháp để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất cho đến khi đất có khả năng sử dụng được theo mục đích đã được xác định, cụ thể:

1. Đối với hành vi làm suy giảm chất lượng đất, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định này, mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất như sau:

a) Trường hợp làm mất độ dày tầng đất đang canh tác: Đất sử dụng để khôi phục lại tầng đất canh tác là đất cũ đã lấy đi, trường hợp đất cũ đã sử dụng vào việc khác (không thể lấy lại được) thì sử dụng đất khác có chất lượng phù hợp với mục đích sử dụng ban đầu của thửa đất hoặc tương đương các thửa đất liền kề có cùng mục đích sử dụng.

b) Trường hợp làm thay đổi lớp mặt của đất sản xuất nông nghiệp bằng các loại vật liệu, chất thải hoặc đất lẫn cát, sỏi, đá hay loại đất có thành phần khác với loại đất đang sử dụng: Loại bỏ lớp mặt của đất sản xuất nông nghiệp đã bị hòa lẫn với loại vật liệu, chất thải, sau đó sử dụng đất khác có chất lượng phù hợp với mục đích sử dụng ban đầu của thửa đất hoặc tương đương các thửa đất liền kề có cùng mục đích sử dụng để bổ sung lượng đất đã bị lấy đi.

c) Trường hợp gây bạc màu, gây xói mòn, rửa trôi đất nông nghiệp: Thực hiện các biện pháp (dùng công cụ, vật liệu,...) để bảo vệ, gia cố lại khu vực đất bị xói mòn, rửa trôi, cải tạo lại đất đảm bảo đủ chất lượng để sản xuất nông nghiệp.

2. Đối với hành vi làm biến dạng địa hình (trừ trường hợp chuyên đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản, xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa, cải tạo đất nông nghiệp thành ruộng bậc thang và hình thức cải tạo đất khác phù hợp với mục đích sử dụng đất được giao, được thuê, được công nhận quyền sử dụng đất hoặc phù hợp với dự án đầu tư đã được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất phê duyệt hoặc chấp thuận), trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 Quyết định này, mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất như sau:

a) Trường hợp thay đổi độ dốc bề mặt đất; hạ thấp bề mặt đất: Buộc san lấp chỉnh lại độ dốc bề mặt đất như trước khi vi phạm; san lấp, khôi phục lại độ cao thửa đất hoặc san gạt đất trở lại trạng thái ngang bằng với thửa đất liền kề.

b) Trường hợp san lấp đất có mặt nước chuyên dùng (trừ hồ thủy lợi): Nạo vét đến khi đất có khả năng sử dụng được theo đúng mục đích đất có mặt nước chuyên dùng đã được xác định.

c) Trường hợp san lấp nâng cao, hạ thấp bề mặt của đất sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản: San gạt để thừa đất trở lại trạng thái ngang bằng với thừa đất liền kề. Trường hợp hạ thấp bề mặt đất thì loại đất sử dụng để san gạt là loại đất cũ đã lấy đi, trường hợp đất cũ đã sử dụng vào việc khác, không thể lấy lại được thì sử dụng đất khác có chất lượng phù hợp với mục đích sử dụng ban đầu của thừa đất hoặc tương đương các thừa đất liền kề có cùng mục đích sử dụng.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày .19 tháng .5. năm 2026.

2. Quyết định số 22/2025/QĐ-UBND ngày 04/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) quy định các trường hợp không có tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất đối với hành vi hủy hoại đất trên địa bàn tỉnh Bình Định hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /anh

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Bộ NN và MT;
- Cục KTVB&QLXLVPHC (Bộ TP);
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVP TH, XD, NN;
- BTCD tỉnh; TTPVHCC;
- Phòng: NNMT;
- Lưu: VT, N4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh